

THÔNG BÁO

V/v đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019 (lần 2)

Sở Tài nguyên và Môi trường (*Thường trực Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản*) thông báo bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019 (lần 2), cụ thể:

- Tên loại khoáng sản: Đá, cát, sét làm vật liệu xây dựng thông thường;
- Tổng số các điểm mỏ đưa ra đấu giá: 10 điểm mỏ (*01 điểm mỏ đá, 03 điểm mỏ cát, 06 điểm mỏ sét*);
- Địa điểm: Tại địa bàn các huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum;
- Giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước của các mỏ (*tại Phụ lục kèm theo*);
- Thời gian phát hành hồ sơ đấu giá kể từ ngày 15/8/2019 đến 15/9/2019;
- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đấu giá kể từ ngày 16/9/2019 đến 16/10/2019;
- Thời gian tham khảo tài liệu từ ngày 20/8/2019 đến 25/8/2019;
- Địa điểm phát hành và tiếp nhận hồ sơ đấu giá tại Sở Tài nguyên và Môi trường (*Văn phòng Sở*);
- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Phòng đấu giá – Trung Tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, thành phố Kon Tum.
- Thời gian tổ chức phiên đấu giá dự kiến trước ngày 01/11/2019.

Các xã, phường có mỏ tiến hành niêm yết việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở UBND xã, phường kể từ ngày có thông báo này.

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết thông tin về mỏ khoáng sản và tham khảo tài liệu liên hệ Phòng Khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường - Địa chỉ: Số 06, đường Ngô Thì Nhậm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho các đơn vị liên quan và tất cả các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được biết, tham gia./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh – Công TTĐT (đăng t/b);
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (đưa tin);
- Báo Kon Tum (đăng bài);
- Báo đấu thầu (đăng tin);
- UBND các huyện, thành phố có mỏ (t/b);
- UBND các xã có mỏ (t/b);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Trung tâm CNTT Sở TN&MT (đăng t/b);
- Lưu: VT, KS₃.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thanh Hải

(Phụ lục 1)

**THÔNG TIN ĐIỂM MỎ ĐÁ CHỨA THĂM DÒ ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM THEO KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐÁU GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

S T T	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Tài nguyên quy đổi Q (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Giá khởi điểm tạm tính theo R_{kd} (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá quy bằng tiền tương đương (đồng)	Bước giá theo mức thu tiền cấp quyền KTKS R (%)	Dự toán Đề án thăm dò (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đồng/1 hồ sơ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thôn Đắk Rơ Đe, xã Ngọc Bay, thành phố Kon Tum	5,0	150.000	221.250,0	3	597.375.000	59.000.000	15.000.000	0,08	600.000.000	500.000

(Phụ lục 2)

**THÔNG TIN CÁC ĐIỂM MỎ CÁT CHỨA THẨM DÒ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM THEO KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

S T T	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Tài nguyên quy đổi Q (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Giá khởi điểm tạm tính theo R_{kd} (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá quy bằng tiền tương đương (đồng)	Bước giá theo mức thu tiền cấp quyền KTKS R (%)	Dự toán Đề án thẩm dò (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đồng/1 hồ sơ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Ranh giới xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy và xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà	10	100.000	112.500,0	5	1.240.312.500	62.000.000	20.000.000	0,08	300.000.000	500.000
2	Thôn 10, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	1,5	15.000	16.875,0	5	186.046.875	37.000.000	5.000.000	0,13	150.000.000	200.000
3	Thuộc ranh giới Thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô	01	10.000	11.250,0	5	124.031.250	24.000.000	5.000.000	0,20	150.000.000	200.000

(Phụ lục 3)

**THÔNG TIN CÁC ĐIỂM MỎ SÉT CHỨA THĂM DÒ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM THEO KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2019**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

S T T	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Tài nguyên quy đổi Q (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Giá khởi điểm tạm tính theo R_{kd} (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá quy bằng tiền tương đương (đồng)	Bước giá theo mức thu tiền cấp quyền KTKS R (%)	Dự toán Đề án thăm dò (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đồng/1 hồ sơ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thôn Thanh Trung, phường Ngô mây, thành phố Kon Tum	2	50.000	64.500,00	3	296.055.000	44.000.000	10.000.000	0,10	300.000.000	200.000
2	Thôn Thanh Trung, phường Ngô mây, thành phố Kon Tum	2	50.000	64.500,00	3	296.055.000	44.000.000	10.000.000	0,10	300.000.000	200.000
3	Thôn Thanh Trung, phường Ngô mây, thành phố Kon Tum	2	50.000	64.500,00	3	296.055.000	44.000.000	10.000.000	0,10	300.000.000	200.000
4	Thôn Thanh Trung, phường Ngô mây, thành phố Kon Tum	2	50.000	64.500,00	3	296.055.000	44.000.000	10.000.000	0,10	300.000.000	200.000

(Phụ lục 4)

**THÔNG TIN CÁC ĐIỂM MỎ SÉT CHỨA THĂM DÒ ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM THEO KẾ HOẠCH TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ CỦA CÁC NĂM TRƯỚC**

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

S T T	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Tài nguyên quy đổi Q (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Giá khởi điểm tạm tính theo R_{kd} (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá quy bằng tiền tương đương (đồng)	Bước giá theo mức thu tiền cấp quyền KTKS R (%)	Dự toán Đề án thăm dò (đồng)	Tiền bán hồ sơ (đồng/1 hồ sơ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thực tế thôn Sơn An, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy	4,4	220.000	283.800	3	1.302.642.000	66.000.000	20.000.000	0,05	150.000.000	500.000
2	Thực tế thôn Sơn An, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy	4,5	225.000	290.250	3	1.332.247.500	67.000.000	20.000.000	0,05	150.000.000	500.000